

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07-6-2022
V/v: Xin ly hôn, giải quyết việc
nuôi dưỡng con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Lượm

2. Bà Lê Thị Ngọc Nương

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện GT.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GT: Ông Khương Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện GT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị B, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Dương Minh H, sinh năm 1980 (Vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Võ Thị B trình bày:

Vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hồ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ham chơi không lo làm ăn thường xuyên cờ bạc bỏ mặc gia đình, từ đó dẫn đến tình trạng kinh tế gia đình sa sút, rạn nứt trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn. Hiện tại thì vợ chồng chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên:

1. Dương Minh Q, sinh ngày 08/3/2011, giới tính nam

2. Dương Bích P, sinh ngày 12/10/2012, giới tính nữ

Hiện các cháu đang sống với chị B.

Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B xin được ly hôn với anh Dương Minh H

Về con chung: Xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng chi phí nuôi con.

Tài sản và nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Dương Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT phát biểu cho rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tổng hợp các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên Thẩm phán còn để vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh H.

Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu Dương Minh Q, sinh ngày 08/3/2011 giới tính nam và cháu Dương Bích P, sinh ngày 12/10/2012 giới tính nữ. Giao cháu Q và cháu P cho chị B nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của chị B về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung chị B không yêu cầu nên không giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

Án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị B phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

Chị Võ Thị B nộp đơn xin ly hôn với anh Dương Minh H được Tòa án thụ lý ngày 09/11/2021 thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Luật này được áp dụng để giải quyết các quan hệ hôn nhân, con chung giữa chị B và anh H. Mặt khác, chị B khởi kiện xin ly hôn anh H có địa chỉ tại ấp T, xã P, huyện GT, tỉnh Kiên Giang nên việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GT theo các Điều 26 và Điều 36 B luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Dương Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 B luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị B và anh Dương Minh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 09/6/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh, chị chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh, chị xung đột tính cách, thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm lo kinh tế gia đình dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, rạn nứt trong tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và từ năm 2020 cho đến nay chị B, anh H cũng không còn chung sống với nhau.

Kết quả xác minh tại địa phương thấy rằng: Giữa anh H và chị B có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên cự cãi, không ai quan tâm ai, hiện tại thì anh H và chị B không còn chung sống với nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa để động viên, hòa giải nhưng anh H vắng mặt không có lý do điều này cho thấy anh H không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ cùng vợ anh. Do đó HĐXX thấy mâu thuẫn của anh, chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị B xin ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị B và anh Nam có hai con chung tên Dương Minh Q, sinh ngày 08/3/2011 giới tính nam và cháu Dương Bích P, sinh ngày 12/10/2012 giới tính nữ hiện cháu đang sống với chị B. Chị B có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. HĐXX thấy rằng, chị B và anh H

không chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, cháu Quí và cháu P trực tiếp sống với chị B từ 2020 do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu HĐXX quyết định giao cháu Q, cháu P cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Nguyên đơn chị Võ Thị B phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 B luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình 2014.

- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị B về việc xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với bị đơn anh Dương Minh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị B được ly hôn với anh Dương Minh H.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Dương Minh Quí, sinh ngày 08/3/2011 giới tính nam và cháu Dương Bích P, sinh ngày 12/10/2012 giới tính nữ cho chị B nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được đảm bảo thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xét, do đương sự nên không yêu cầu giải quyết

2. Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Võ Thị B phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002522 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh Kiên Giang. (chị B đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/6/2022); Bị đơn anh Dương Minh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện GT;
- CC THA DS huyện GT;
- UBND Phường Đông Hồ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Hồng Phong